

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L H
TỈNH VĨNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 01/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L H- TỈNH VĨNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Trí Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Tuyết Nga
2/ Ông Trần Thanh Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L
H - tỉnh Vĩnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L H tham gia phiên tòa: ông H Tuấn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L H xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo Huỳnh Văn T1, sinh năm 1992. Tại tỉnh Vĩnh L.

Đăng ký thường trú : ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu, huyện V, tỉnh Vĩnh L.

Chỗ ở hiện nay: ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu, huyện V, tỉnh Vĩnh L.

Nghề nghiệp: Làm hồ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Huỳnh Diễm Th,
sinh năm 1964; Mẹ: Trương Ngọc H, sinh năm 1966; Anh, chị, em ruột: 02 người
(Lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2001); Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Nhân thân:

Ngày 18/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em.

Ngày 20/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Dâm ô với trẻ em. Bị can đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2023 đến nay có mặt tại toà.

2/ Bị cáo Trần Hoài T2, sinh năm 1992. Tại tỉnh Vĩnh L.

- Đăng ký thường trú : ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Th, tỉnh Đ.

- Chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Th, tỉnh Đ.
- Nghề nghiệp: Làm h; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Trần Hoài T1, sinh năm 1963; Mẹ: Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966; Anh, chị, em ruột: Có 03 người (Lớn nhất là bị can, nhỏ nhất sinh năm 1998); Vợ: Đặng Thị Kiều O, sinh năm 1991; Con: Có 03 người (Lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Nhân thân:

Ngày 30/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 05 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. bị cáo kháng cáo. Ngày 26/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt bị cáo 04 năm tù. Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2023 đến nay có mặt tại toà.

Bị hại:

1. **Nguyễn Thị Bích Tuyền**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An Phú A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

2. **Phạm Văn Đô**, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An Phú A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Nguyễn Trần Thị Tường V**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 54, khóm 1, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh L.

2. **Lê Thị Thu Th2**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh L.

3. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: 133, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, khóm 1, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh L.

4. **Trương Ngọc H**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ : ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 04/01/2023, sau khi uống bia xong, Huỳnh Văn T1 rủ Trần Hoài T2 đi tìm tài sản lấy trộm thì T2 đồng ý. T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64D1 – 415.66 chở T1 đi từ Thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh L đi theo Quốc lộ 53 để tìm tài sản.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường thuộc ấp An Phú A, xã L An, huyện L H, tỉnh Vĩnh L thì T1 nhìn thấy ven đường có sạp trái cây của chị Nguyễn Thị Bích Tuyền nên T1 kêu T2 điều khiển xe ghé lại sạp. T1 đi vào bên trong còn T2 bên ngoài canh giới. T1 phát hiện chị Tuyền cùng con của chị

Tuyền là Phạm Văn Đô đang ngủ. T1 quan sát thấy phòng ngủ không khóa cửa, trên vách tường có treo 01 giỏ xách nên bước vào phòng lấy túi xách giấu vào áo khoác đi ra ngoài. T2 chở T1 đến khu vực cầu số 2 thuộc huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh L thì dừng xe lại kiểm tra túi phát hiện bên trong chứa 14,5 chỉ vàng 18k gồm: 01 đôi bông tai trọng lượng 0,5 chỉ; 01 dây chuyền trọng lượng 07 chỉ; 01 dây chuyền trọng lượng 02 chỉ; 01 mặt dây chuyền trọng lượng 01 chỉ; 01 nhẫn nam trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn nữ trọng lượng 01 chỉ. T1 kêu T2 chở đến chợ Cái Nhum vào tiệm vàng Tín Nghĩa của Nguyễn Trần Thị Tường V bán 01 nhẫn nam trọng lượng 03 chỉ được 5.100.000đ. T2 tiếp tục chở T1 đến thị trấn Vũng Liêm sau đó vào tiệm vàng Huỳnh của Nguyễn Văn D tại thị trấn Vũng Liêm bán nhẫn nữ trọng lượng 01 chỉ được 2.800.000đ, đến tiệm vàng Kim Thủy của Lê Thị Thu Thủy bán dây chuyền, mặt dây chuyền tổng trọng lượng 08 chỉ được 21.600.000đ. Tổng số tiền bán vàng được 29.500.000đ, T1 dùng 15.600.000đ để chuộc xe, chia cho T2 8.000.000đ, số còn lại T1 tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 11/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L H kết luận: 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 0.5 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 07 chỉ, 01 mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn nam vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 chiếc nhẫn nữ vàng 18K trọng lượng 01 chỉ có tổng trị giá là 55.245.000đ (*Năm mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

Trong quá trình điều tra, Huỳnh Văn T1, Trần Hoài T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L H đã thu hi hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Tuyền 01 sợi dây chuyền 07 chỉ, 01 mặt dây chuyền 01 chỉ và hoàn trả cho Phạm Văn Đô 01 nhẫn nam 03 chỉ. Đối với số tài sản còn lại không thu hi được, bị can Huỳnh Văn T1 đã thỏa thuận với Nguyễn Thị Bích Tuyền và Phạm Văn Đô bồi thường 15.000.000đ và đã bồi thường xong. Nguyễn Trần Thị Tường V yêu cầu bồi thường 5.100.000đ, Nguyễn Thị Thu Thủy yêu cầu bồi thường 21.600.000đ, các bị can đồng ý bồi thường nhưng chưa thực hiện. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 64D1 - 415.66 không thu hi được do bị can T1 đã bán cho đối tượng không xác định được nhân thân.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKS.LH ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H truy tố các bị cáo Huỳnh Văn T1 và Trần Hoài T2 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ý kiến kiểm sát viên tại tòa: Bảo lưu quan điểm bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn T1 và Trần Hoài T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

|+ Đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoài T2 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Số tài sản của người bị hại đã được thu hi, cơ quan điều tra đã giao trả lại cho người bị hại là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét lại.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại có yêu cầu các bị cáo trả lại 15.000.000đ. Gia đình của các bị cáo đã hoàn trả xong. Những người bị hại không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các khoản tiền những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã mua vàng của các bị cáo trộm được, các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại các khoản tiền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Cụ thể như sau: Hoàn trả cho bà Nguyễn Trần Thị Tường V: 5.100.000đ; bà Nguyễn Thị Thu Thủy: 21.600.000đ. Đối với ông Nguyễn Văn D không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị án dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 667.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến bị cáo tại tòa:

Bị cáo T1 trình bày: Bị cáo là người rủ rê bị cáo T2 đi trộm. Các bị cáo đã đi tìm tài sản để trộm thì phát hiện một sạp trái cây, bị cáo T2 ở ngoài xe chờ bị cáo; Bị cáo đi vào trong sạp thì phát hiện chủ nhà đã ngủ, bị cáo nhìn thấy trên vách nhà có treo một túi xách nên bị cáo lấy túi xách trên và đi ra ngoài xe, sau đó bị cáo T2 chở bị cáo về đến Cái Nhum. Bị cáo và T2 mở túi xách ra thì phát hiện có vàng. Bị cáo ghé tiệm vàng tại thị trấn Cái Nhum bán một chiếc nhẫn vàng được 5.100.000đồng. Sau đó bị cáo về thị trấn Vũng Liêm ghé tiệm vàng bán một sợi dây chuyền được 21.600.000đồng và sang một tiệm vàng khác bán một chiếc nhẫn được 2.800.000đồng. Bị cáo có chia cho T2 8.000.000đồng. Số vàng còn lại bị cáo có nói với T2 là để dành tết xài. Sau khi công an mời làm việc bị cáo sợ bị phát hiện nên đã bỏ vào bồn cầu vệ sinh nên không tìm được. Trong vụ án bị cáo là người trực tiếp thực hiện tội phạm và quyết định việc bán vàng.

Lời trình bày sau cùng của bị cáo T1: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T2 trình bày: T1 rủ bị cáo đi trộm, bị cáo đồng ý đi cùng T1. Lời trình bày của bị cáo T1 là đúng. Trong vụ án, bị cáo chỉ ở ngoài giữ xe và chờ T1 đi. Bị cáo được T1 chia cho 8.000.000đồng, bị cáo đã xài hết.

Lời trình bày sau cùng của bị cáo T2: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo còn có 03 con nhỏ, bị cáo là lao động chính.

Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa:

Anh D trình bày: Tôi không biết vàng này do trộm mà có. Tôi có mua một nhẫn nữ giá 2.800.000đồng do bị cáo T1 bán, sau đó công an thu hi chiếc nhẫn này. Tôi không có yêu cầu các bị cáo bồi thường cho tôi.

- **Bà H trình bày:** Tôi là mẹ của bị cáo T1, khi công an mời T1 làm việc thì T1 có nói để kiếm tiền bồi thường cho người ta. Tôi và các dì của T1 góp lại được 15.000.000đồng sau đó số tiền này đã giao trả cho người bị hại. Tôi không có yêu cầu bị cáo T1 phải hoàn lại số tiền này.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại một phần tài sản, số tài sản bị mất đã được gia đình bị cáo bồi thường xong nên không có yêu cầu bồi thường tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tất cả các quyết định, hành vi tố tụng, thủ tục từ giai đoạn phát hiện tội phạm đến truy tố bị cáo. Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự.

Tại toà vắng mặt bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai của bị can tại hồ sơ. Phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hi trả lại cho bị hại. Toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt được định giá là 55.245.000đồng. Đủ căn cứ để xác định các bị cáo Huỳnh Văn T1 và Trần Hoài T2 phạm tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng số 66/CT-VKS.LH ngày 29/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm, các bị cáo đã đi tìm tòi và lén lút

chiếm đoạt tài sản của người khác, các bị cáo thực hiện hành vi rất táo bạo, gây mất trật tự cho đời sống bình thường của mọi người. Do đó, việc xử lý các bị cáo nghiêm khắc là cần thiết để trấn áp loại tội phạm này và đủ thời gian để các bị cáo sửa chữa.

Trong vụ án có đồng phạm, vai trò của bị cáo T1 là cao hơn, bị cáo là người chủ động rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm và cũng chính bị cáo là người quyết định bán tài sản cũng như quyết định việc chia tiền cho bị cáo T2 nên hình phạt đối với bị cáo phải nghiêm khắc hơn. Bị cáo T2 đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo T1 nên bị cáo cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thật thà khai nhận; bị cáo T1 có tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử có xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Số vàng của người bị hại được thu hi, cơ quan điều tra đã giao trả lại là đúng.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã mua vàng của các bị cáo; các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại số tiền này, cụ thể: Hoàn trả cho bà Nguyễn Trần Thị Tường V số tiền 5.100.000đồng và bà Lê Thị Thu Thủy số tiền 21.600.000đồng.

[2.6] Quan điểm của kiểm sát viên tại tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: $(21.600.000\text{đồng} + 5.100.000\text{đồng}) \times 5\% = 1.335.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn T1 và Trần Hoài T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày: 07/3/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Hoài T2 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 288, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Huỳnh Văn T1 và bị cáo Trần Hoài T2 liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Trần Thị Tường V 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn

đồng); bà Lê Thị Thu Thủy 21.600.000đồng (Hai mươi một triệu sau trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Huỳnh Văn T1 nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 667.500đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trần Hoài T2 nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 667.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS. H,T
- CC. THA H;
- Sở Tư pháp;
- CQCSĐT L H;
- Phòng h sơ CAVL;
- Bị cáo; Bị hại; người LQ
- UBND xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, VL;
- UBND xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh ĐT;
- Nhà tạm giữ L H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Trường